



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Create Capital Việt Nam

Ngày 31/03/2025	7,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.6%	9.6%	8.0%

DT thuần Q1/25
132
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00 5.3%
YoY: ▲ 59.5 81.5%

LN thuần Q1/25
14.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.20 17.9%
YoY: ▲ 3.80 35.9%

LN sau thuế Q1/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10 18.0%
YoY: ▲ 3.60 35.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
14.1%
YoY: +/-▲ 2.1%

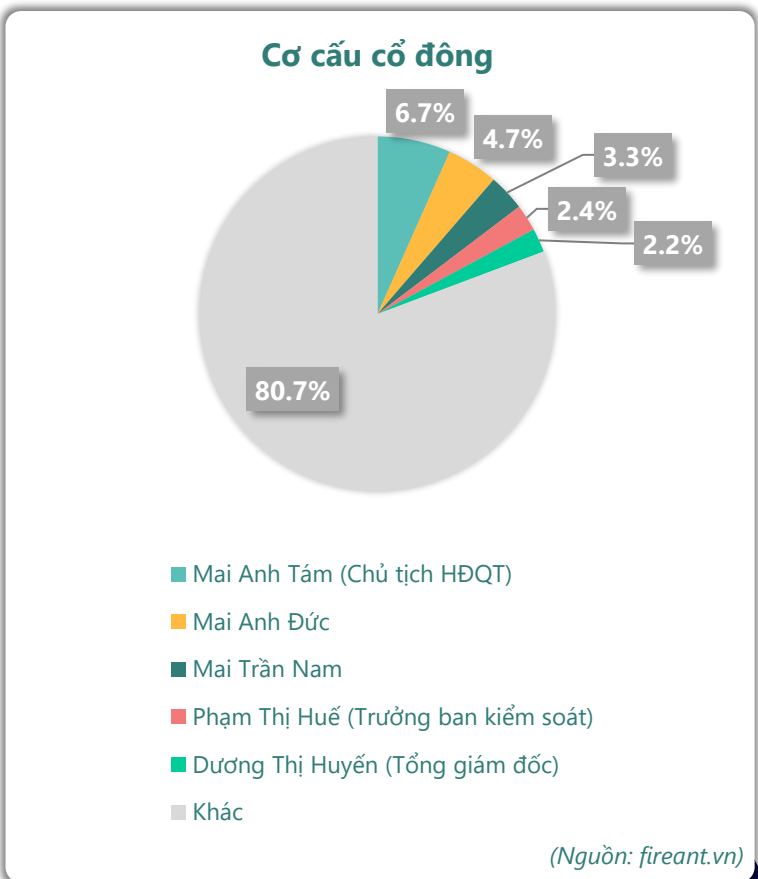
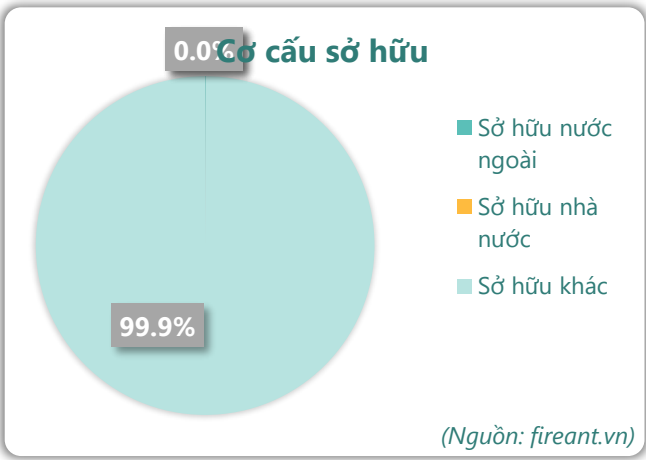
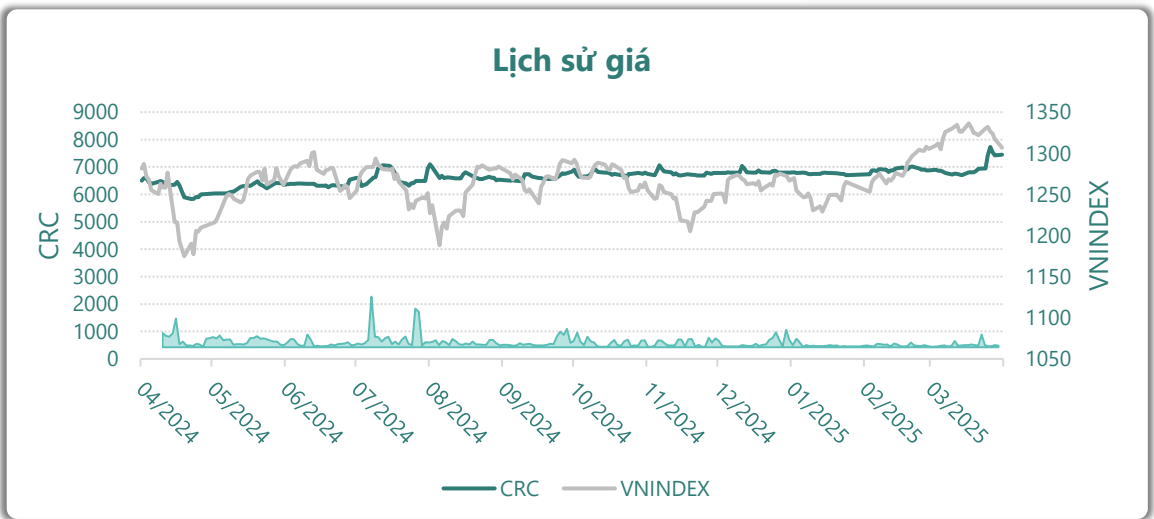
ROE (TTM) Q1/25
10.9%
YoY: +/-▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,830 - 7,730
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	447
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	342,200
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.33
EPS	1,129
P/E	6.6

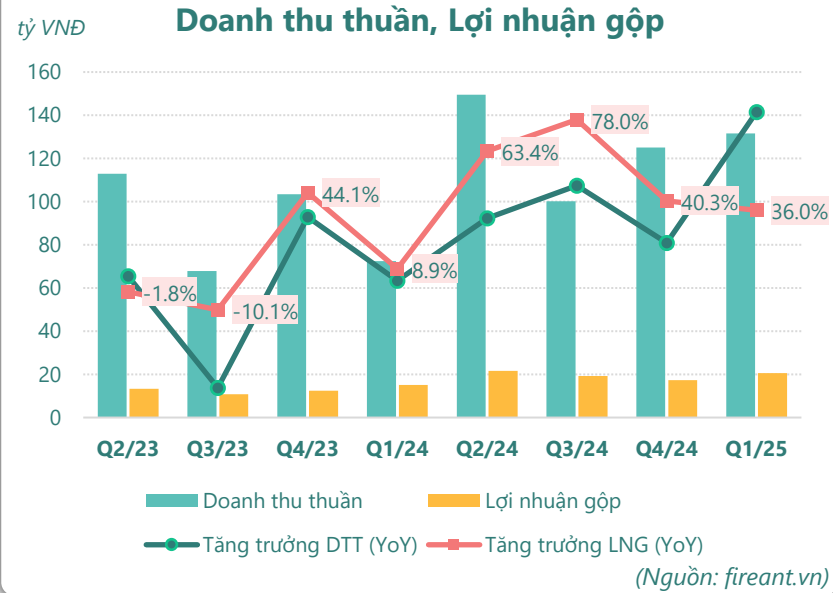
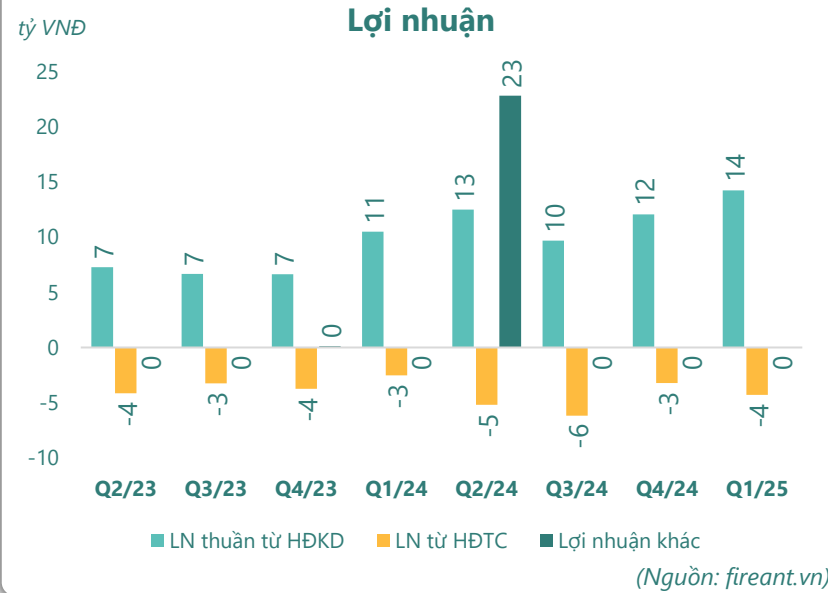
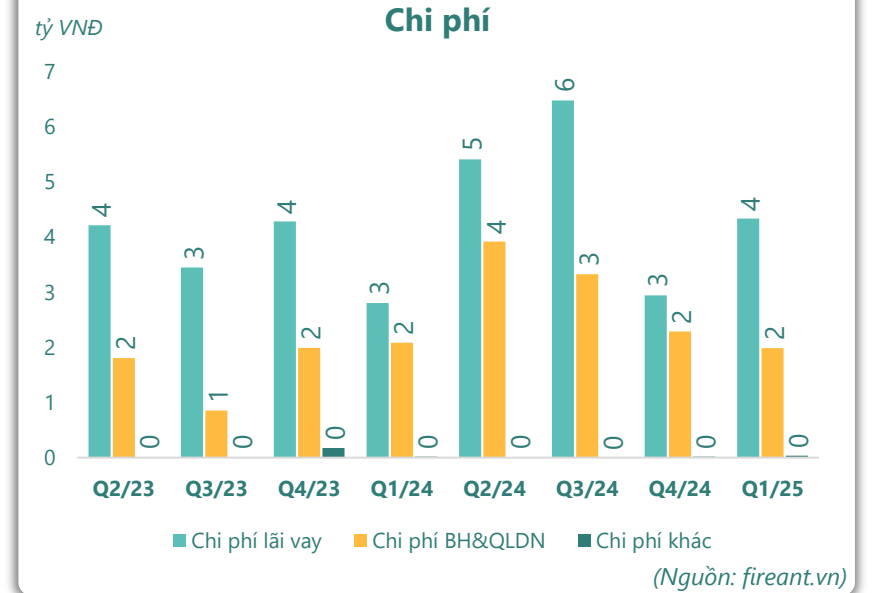
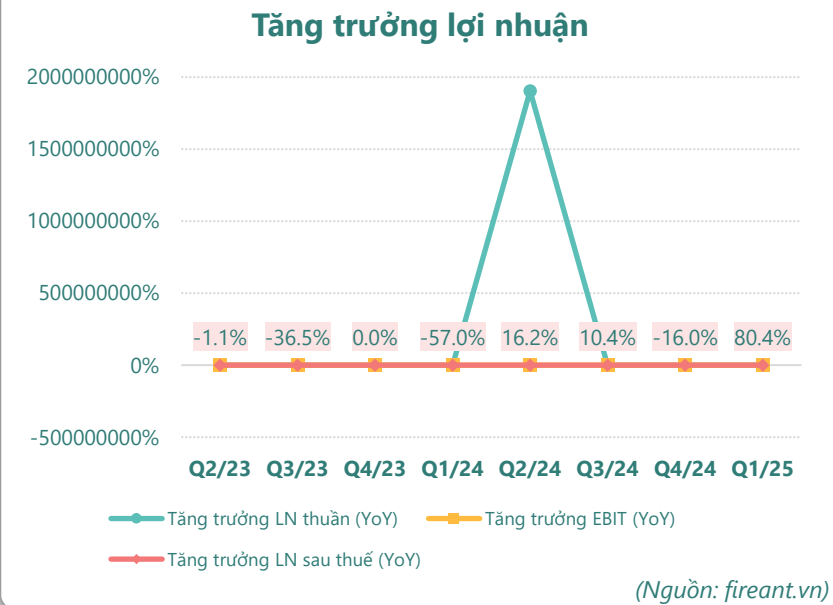
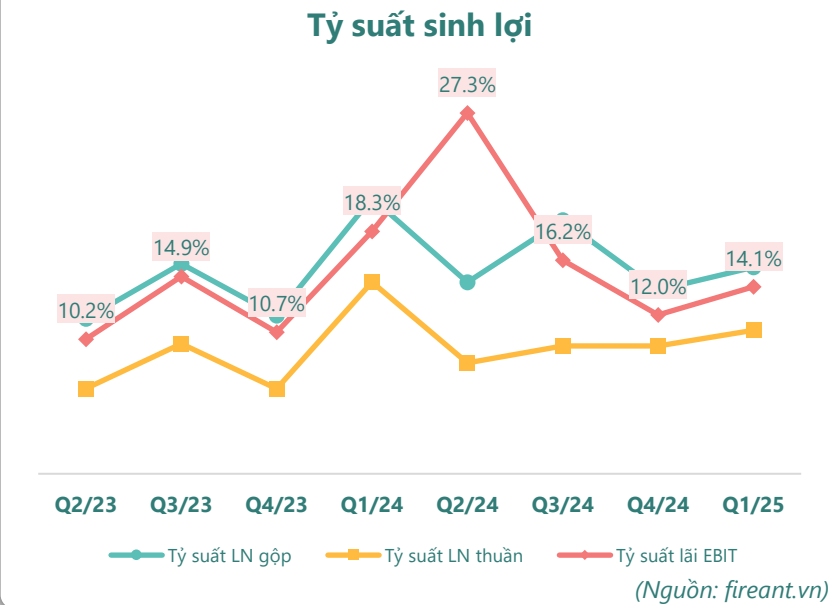
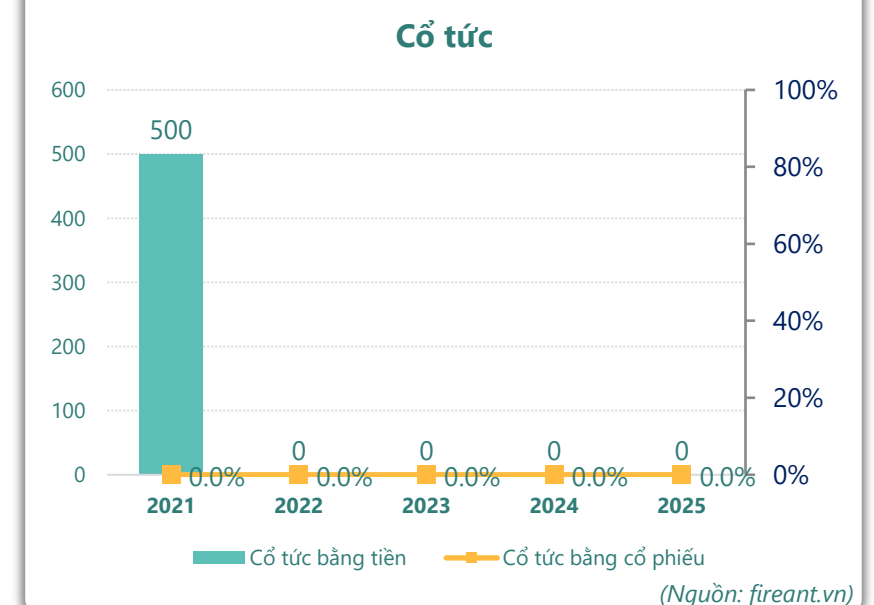
DT thuần 2024
465
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 111 31.1%

LN thuần 2024
44.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.3 47.7%

LN sau thuế 2024
66.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.6 124%



KẾT QUẢ KINH DOANH



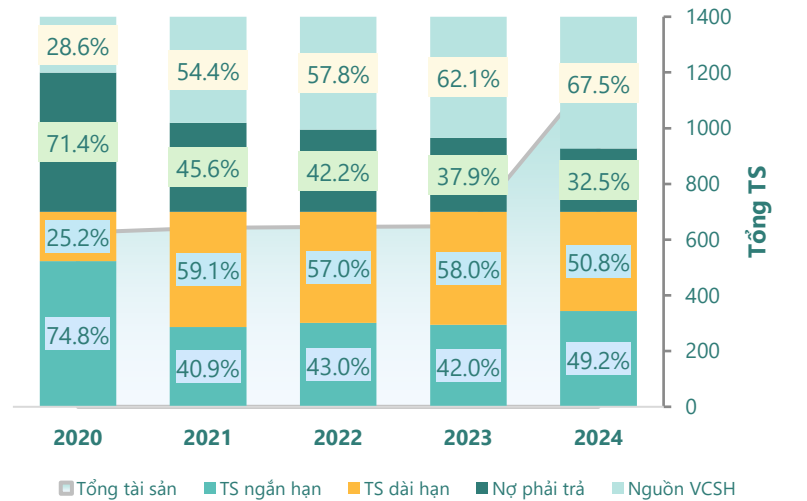


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

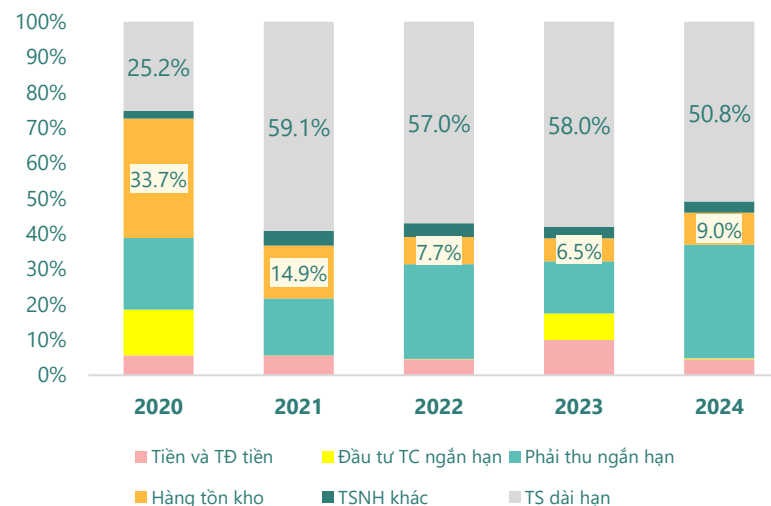
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

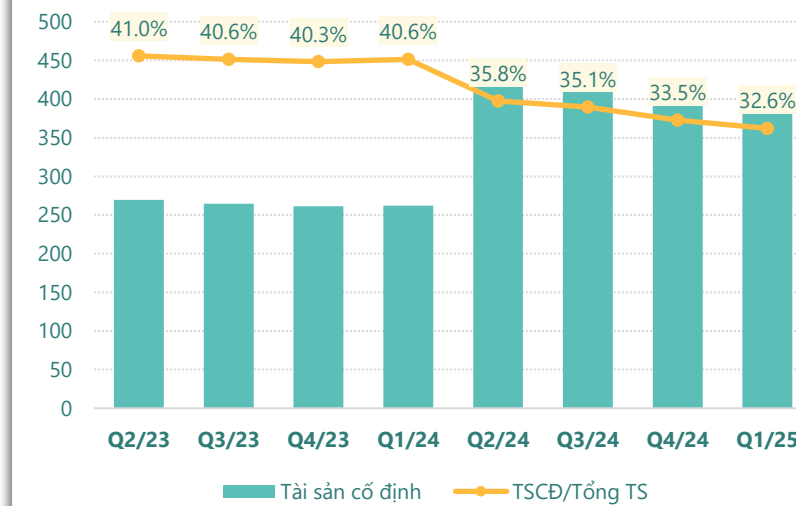
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

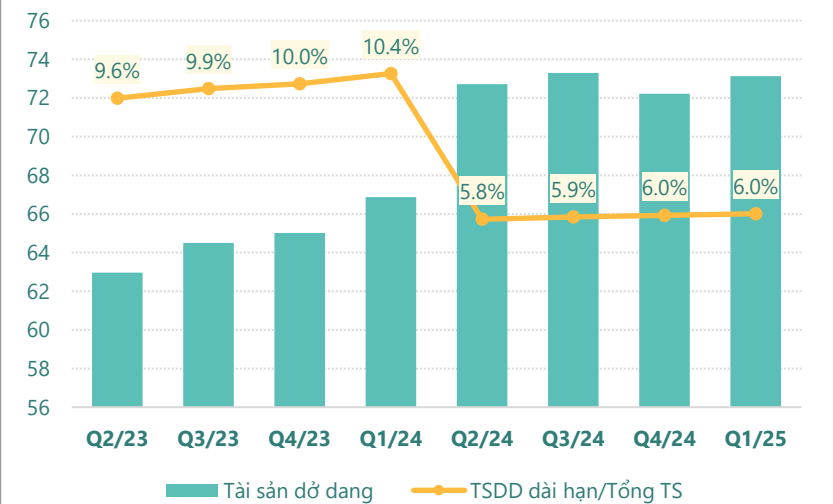
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

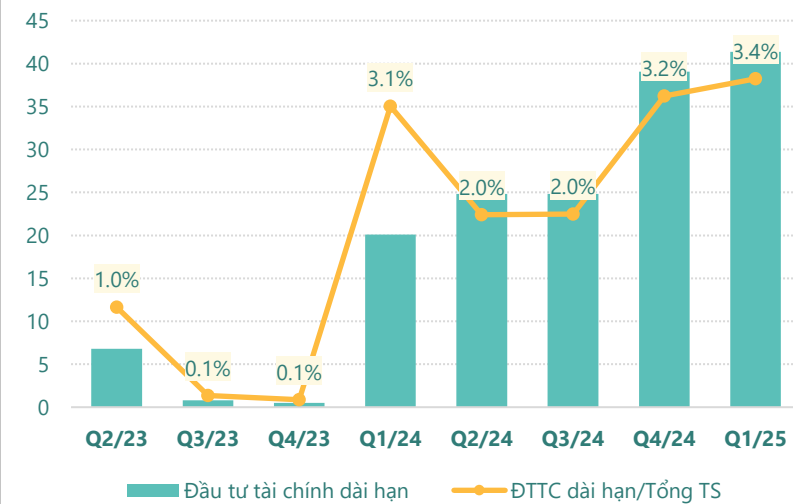
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

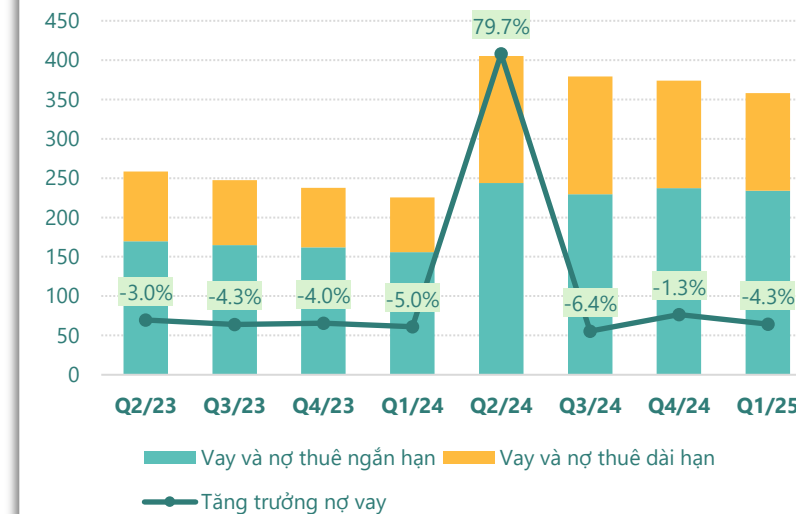
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

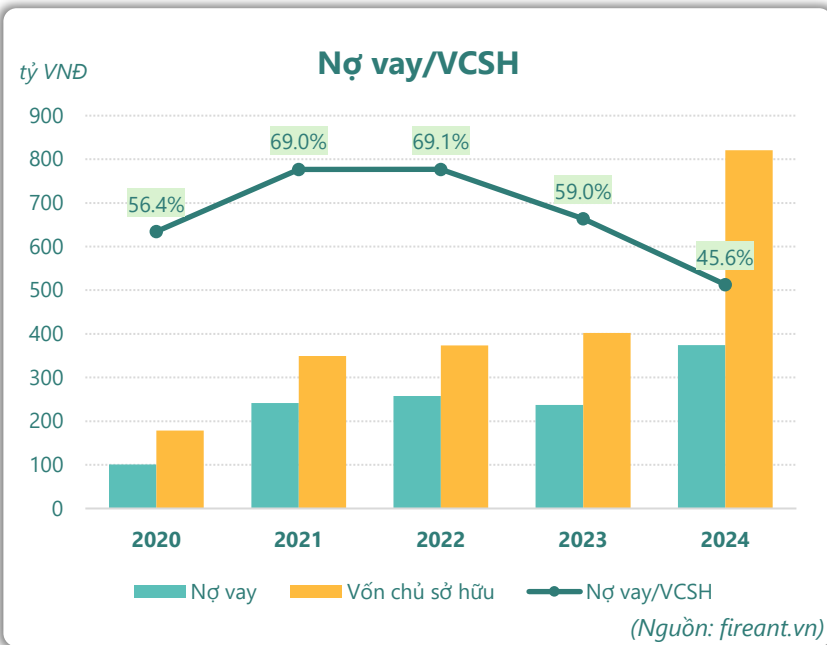
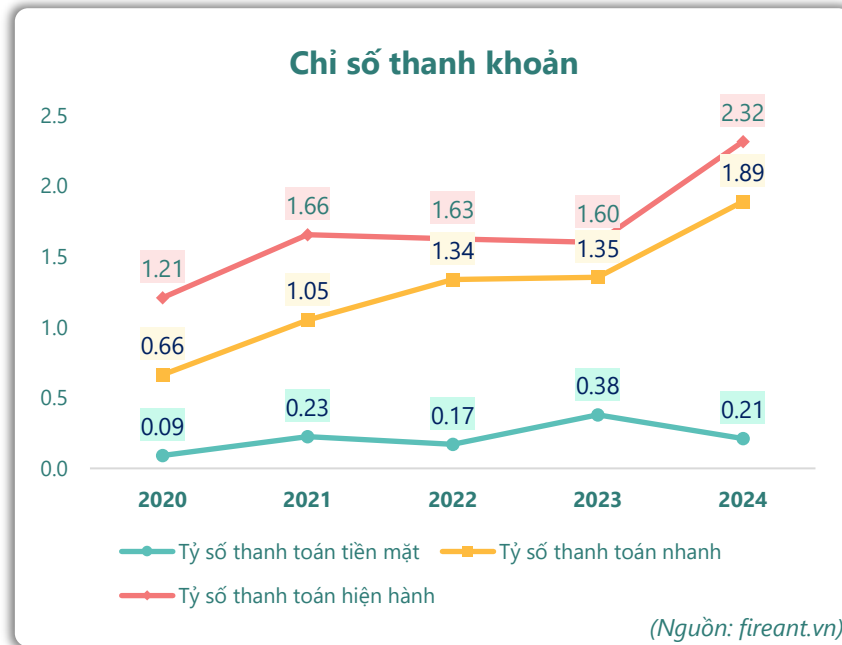
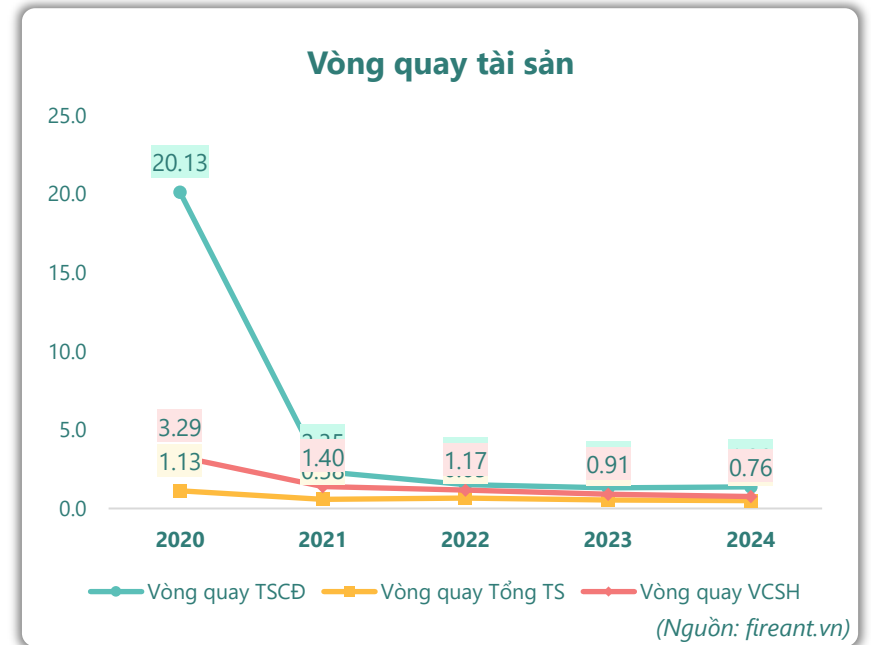
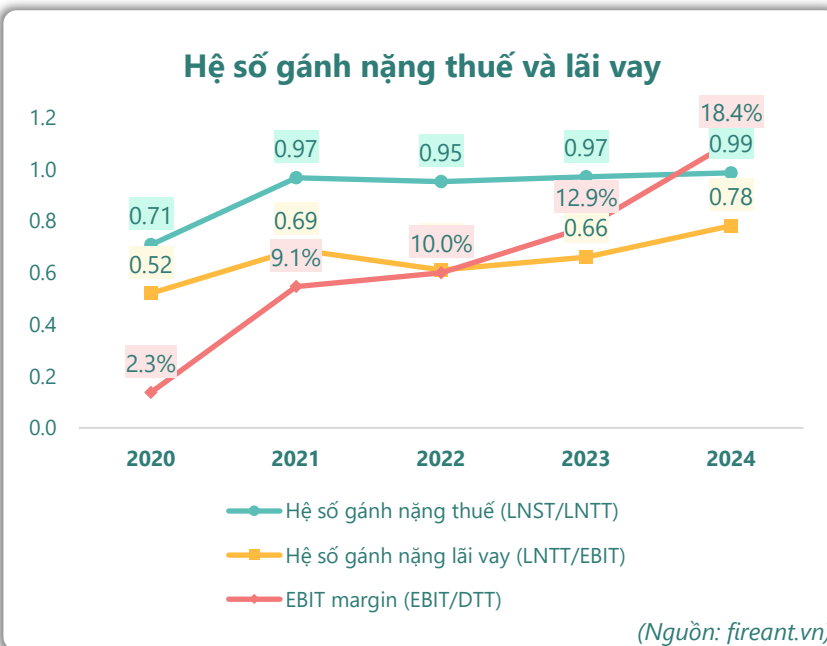
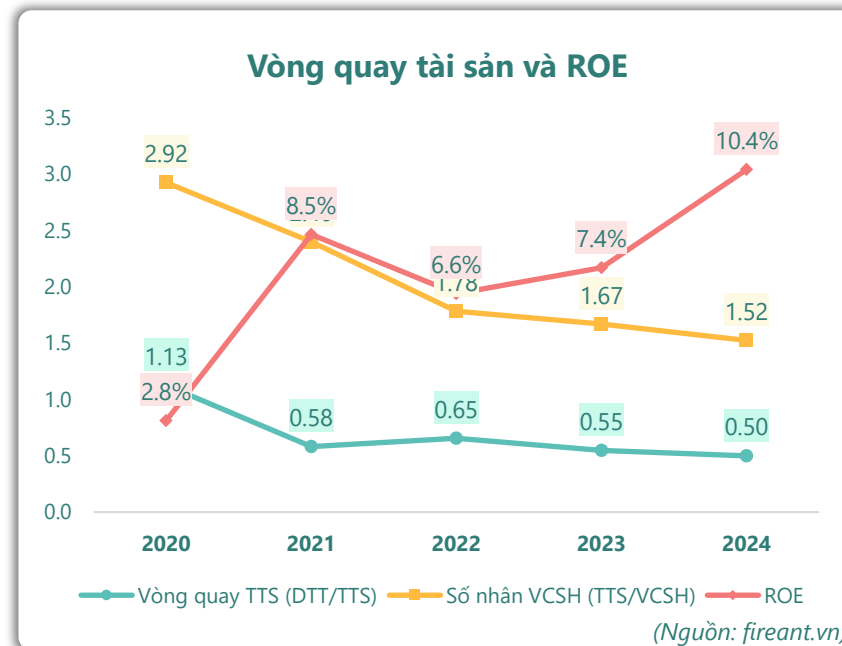
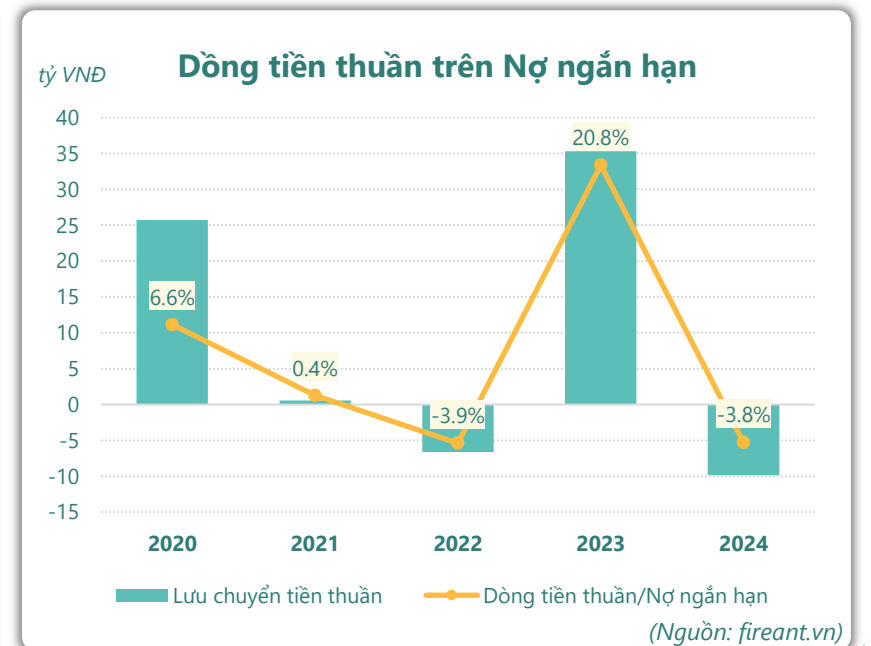
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	132	72.5	81.5%	465	354	31.1%
Giá vốn hàng bán	111	57.4	93.4%	392	304	28.9%
Lợi nhuận gộp	20.6	15.1	36.2%	72.6	50.0	45.1%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.28	-87.4%	1.27	1.05	21.3%
Chi phí TC	4.34	2.81	54.5%	19.2	15.7	21.8%
Chi phí lãi vay	4.34	2.81	54.5%	18.7	15.5	20.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.21	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		1.75	0.44	303%
Chi phí QLDN	1.99	2.08	-4.5%	8.97	5.01	79.2%
LN thuần từ HĐKD	14.3	10.5	35.9%	44.2	29.9	47.7%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.02	54.3%	22.8	0.43	5180%
LN trước thuế	14.3	10.5	35.8%	67.0	30.3	121%
Lợi nhuận sau thuế	14.0	10.4	35.1%	66.1	29.5	124%
LNST của CĐ cty mẹ	13.3	10.1	31.9%	63.7	28.8	121%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	147	-43.5	27.7	48.3	-115	1.45
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-79.8	23.9	-282	-9.14	70.5	-9.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.79	-12.0	269	-52.8	59.4	-16.1
Tiền đầu kỳ	7.19	64.5	32.9	47.3	33.6	54.7
Lưu chuyển tiền thuần	57.3	-31.6	14.3	-13.7	15.2	-24.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.5	32.9	47.3	33.6	48.8	30.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,218	1,215	0.2%
Tài sản ngắn hạn	611	597	2.3%
Tiền và tương đương tiền	30.0	54.7	-45.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.20	3.98	5.5%
Phải thu ngắn hạn	418	390	7.3%
Hàng tồn kho	121	110	9.9%
Tài sản ngắn hạn khác	37.4	38.9	-3.8%
Tài sản dài hạn	607	618	-1.7%
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	0.0%
Tài sản cố định	397	407	-2.4%
Bất động sản đầu tư	53.0	53.0	0.0%
Tài sản dở dang	73.1	72.8	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	41.4	41.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.38	1.47	-73.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	384	394	-2.6%
Nợ ngắn hạn	260	258	1.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	234	238	-1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	14.1	30.9%
Nợ dài hạn	124	137	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	124	136	-9.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	833	820	1.6%
Vốn chủ sở hữu	833	820	1.6%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

